

Mã đề thi 322

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.

Câu 42: Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở ven biển nước ta?

- A. Lũ quét. B. Trượt đất. C. Cát bay. D. Sóng thần.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Kiều Liêu Ti. C. Pu Tha Ca. D. Phu Luông.

Câu 44: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Nẵng có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng IX. C. Tháng XII. D. Tháng XI.

Câu 45: Biện pháp cải tạo đất hoang ở đồi núi nước ta là

- A. bón phân hóa học. B. nông - lâm kết hợp. C. dùng thuốc diệt cỏ. D. đào hồ vẫy cá.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Sơn La. B. Yên Bái. C. Lai Châu. D. Phú Thọ.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Hà Tĩnh. D. Quảng Bình.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 8 nối Hồng Lĩnh với nơi nào sau đây?

- A. Nậm Cắn. B. Đông Hà. C. Đồng Hới. D. Cầu Treo.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp hàng năm lớn hơn cây công nghiệp lâu năm?

- A. Bến Tre. B. Bình Thuận. C. Sóc Trăng. D. Lâm Đồng.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Chu Lai. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Hòn La.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết Phố cổ Hội An thuộc tỉnh (hoặc thành phố) nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam. C. Bình Định. D. Đà Nẵng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Yên Bái. B. Thanh Hóa. C. Hải Phòng. D. Hạ Long.

Câu 53: Vùng biển nước ta nằm phía trong lãnh hải là

- A. nội thủy. B. thêm lục địa.
C. vùng đặc quyền về kinh tế. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Cả. D. Sông Mã.

Câu 55: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của nước ta?

- A. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm. B. Lao động đông đảo và có chất lượng cao.
C. Có nền kinh tế hàng hóa phát triển lâu đời. D. Có lịch sử lâu đời với văn minh lúa nước.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở nước ta hiện nay?

- A. Có các vùng chuyên canh.
- B. Chủ yếu là cây nhiệt đới.
- C. Sử dụng nhiều giống tốt.
- D. Tập trung ở các đồng bằng.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Phát triển nhiều điểm mới.
- B. Thu hút nhiều vốn đầu tư.
- C. Đa dạng hóa các loại hình.
- D. Mùa đông dừng hoạt động.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Không có đồng bằng đất phù sa.
- B. Hướng núi phổ biến bắc - nam.
- C. Ít đồng bằng; nhiều núi, núi lửa.
- D. Có rất nhiều hệ thống sông lớn.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về lao động nước ta hiện nay?

- A. Số lượng đông đảo.
- B. Cơ cấu không đổi.
- C. Trình độ rất cao.
- D. Phân bố đồng đều.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Bắc nước ta?

- A. Thấp và hẹp ngang.
- B. Núi cao nhất cả nước.
- C. Có hướng vòng cung.
- D. Có nhiều cao nguyên.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

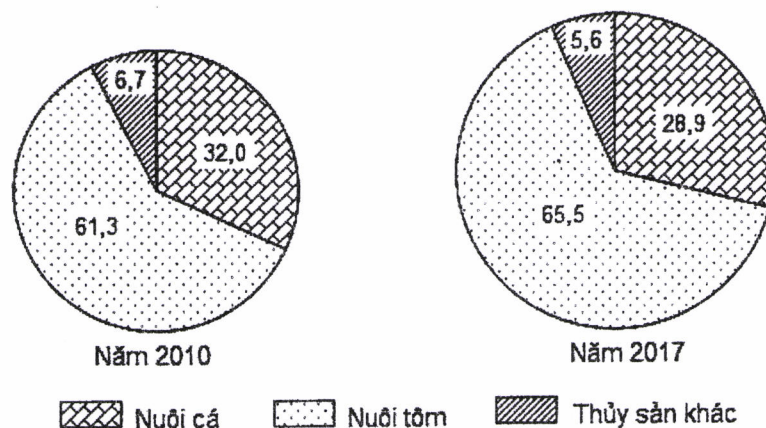
Quốc gia	Ma-lai-xi-a	Cam-pu-chia	Mi-an-ma	Thái Lan
Diện tích (nghìn km ²)	330,8	181,0	676,6	513,1
Dân số (triệu người)	31,6	15,9	53,4	66,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.
- B. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.
- C. Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.
- D. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 62: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Nuôi tôm tăng, thủy sản khác tăng.
- B. Thủy sản khác tăng, nuôi cá giảm.
- C. Nuôi tôm giảm, nuôi cá giảm.
- D. Nuôi cá giảm, nuôi tôm tăng.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân nông thôn nước ta hiện nay?

- A. Có tỉ lệ lớn hơn dân thành thị.
- B. Số lượng đông hơn dân thành thị.
- C. Hoạt động chủ yếu nông nghiệp.
- D. Trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông đường biển nước ta hiện nay?

- A. Nhiều tuyến vận chuyển khác nhau.
- B. Ngành non trẻ và phát triển nhanh.
- C. Các cảng đã được đầu tư nâng cấp.
- D. Vận chuyển nhiều hàng xuất khẩu.

Câu 65: Nhân tố chủ yếu tạo nên mùa mưa ở Nam Bộ nước ta là

- A. gió phơn Tây Nam.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. gió mùa Tây Nam.
- D. gió mùa Đông Bắc.

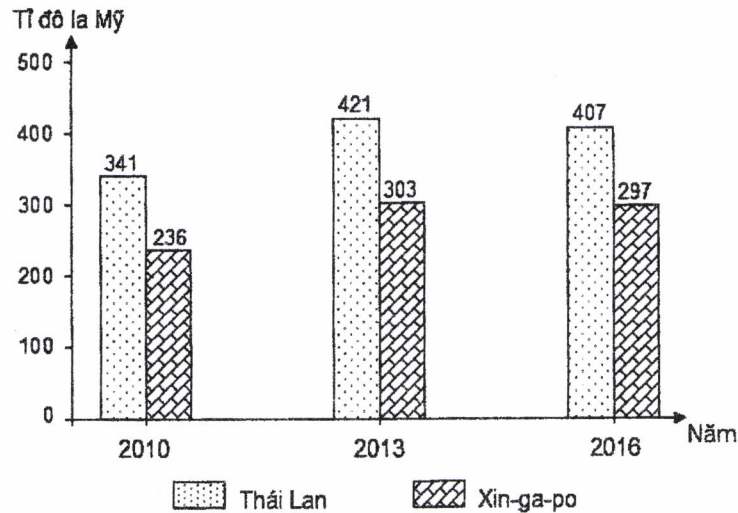
Câu 66: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. tăng đầu tư, mở rộng vùng chuyên canh.
- B. phát triển chế biến, tăng cường xuất khẩu.
- C. mở rộng diện tích, chú trọng việc thủy lợi.
- D. thay đổi cơ cấu cây trồng, dùng giống tốt.

Câu 67: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây chè chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Địa hình phân bậc, nhiều loại đất.
- B. Nhiều đồi núi thấp, giống cây tốt.
- C. Khí hậu cận nhiệt, đất thích hợp.
- D. Khí hậu nhiệt đới, đủ nước tưới.

Câu 68: Cho biểu đồ về GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Quy mô GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Thái Lan và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 69: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển du lịch biển đảo ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đa dạng loại hình sản phẩm.
- B. thu hút dân cư tham gia, phát triển du lịch cộng đồng.
- C. nâng cao trình độ người lao động, tích cực quảng bá.
- D. nâng cấp các cơ sở lưu trú, khai thác mới tài nguyên.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các khu công nghiệp ở nước ta là

- A. tạo nhiều sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.
- B. đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- C. thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất hàng hóa.
- D. sử dụng tốt tài nguyên, tạo nhiều việc làm.

Câu 71: Việc chuyển dịch cơ cấu công nghiệp nước ta chủ yếu nhằm

- A. khai thác nhiều hơn các loại khoáng sản.
- B. sử dụng tốt nguồn lao động, tạo việc làm.
- C. tận dụng tối đa các nguồn vốn khác nhau.
- D. tăng hiệu quả đầu tư, phù hợp thị trường.

Câu 72: Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
- B. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- C. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.

Câu 73: Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

- A. tăng cường quản lý nhà nước và mở rộng thêm thị trường.
- B. hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển sản xuất hàng hóa.
- C. đa dạng hóa sản xuất, đầu tư vào các ngành có nhiều ưu thế.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao chất lượng lao động.

Câu 74: Giải pháp chủ yếu để sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đẩy mạnh trồng cây lương thực và nuôi trồng thủy sản.
- B. cải tạo đất, bảo vệ rừng và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
- C. khai khẩn đất, trồng rừng ngập mặn và khai thác biển.
- D. phát triển tổng hợp kinh tế biển và sống chung với lũ.

Câu 75: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	748,7	978,9	985,6	971,6
Sản lượng (nghìn tấn)	751,7	966,6	1012,7	1086,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng cao su của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Đường.
- C. Kết hợp.
- D. Tròn.

Câu 76: Giải pháp chủ yếu để khắc phục tính mùa vụ trong nông nghiệp nước ta là

- A. đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm, phát triển các ngành dịch vụ.
- B. mở rộng thị trường, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa xuất khẩu.
- C. tăng cường công tác chế biến, đẩy mạnh trao đổi nông sản.
- D. chú trọng thâm canh, tăng năng suất cây trồng và vật nuôi.

Câu 77: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. tạo sản phẩm hàng hóa, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.
- B. thu hút nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh hội nhập quốc tế.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo ra việc làm.
- D. tăng cường phân hóa lãnh thổ, cung cấp nguyên liệu.

Câu 78: Ý nghĩa chủ yếu của phát triển kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.
- B. tăng vị thế của vùng trong cả nước, tạo việc làm mới.
- C. đẩy nhanh thay đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng sản phẩm.
- D. phát huy các nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.
- B. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.
- C. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.
- D. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thuận lợi thu hút đầu tư.
- B. phục vụ nhu cầu người dân, khai thác tài nguyên thiên nhiên.
- C. đẩy mạnh giao lưu với các vùng, thúc đẩy phát triển du lịch.
- D. tạo cơ sở hình thành đô thị mới, phân bố dân cư và lao động.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 323

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cửa khẩu quốc tế Na Mèo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Thanh Hóa.

Câu 42: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cảng biển Phan Thiết thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Ninh Thuận. D. Bình Thuận.

Câu 43: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

- A. Sông Thương. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Chu.

Câu 44: Chống bão ở nước ta phải luôn kết hợp với chống

- A. ngập lụt. B. động đất. C. sương muối. D. hạn hán.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc có ngành đóng tàu?

- A. Bắc Ninh. B. Hưng Yên. C. Hạ Long. D. Phúc Yên.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?

- A. Đà Nẵng. B. Buôn Ma Thuột. C. Nha Trang. D. Bảo Lộc.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Tây Côn Lĩnh. B. Phanxipăng. C. Kiều Liêu Ti. D. Pu Tha Ca.

Câu 48: Nước ta có vị trí ở

- A. vùng ngoại chí tuyến. B. bán cầu Tây. C. bán cầu Nam. D. vùng nội chí tuyến.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

- A. Sóc Trăng. B. Hậu Giang. C. Phú Yên. D. Bến Tre.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng X. B. Tháng VIII. C. Tháng IX. D. Tháng XI.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hòn La. B. Chu Lai. C. Nghi Sơn. D. Vũng Áng.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?

- A. Hòa Bình. B. Yên Bái. C. Phú Thọ. D. Lào Cai.

Câu 53: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. tiến hành tăng vụ. B. bón phân thích hợp.
C. làm ruộng bậc thang. D. đẩy mạnh thâm canh.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 28 nối Gia Nghĩa với nơi nào sau đây?

- A. Đồng Xoài. B. Phan Thiết. C. Buôn Ma Thuột. D. Đà Lạt.

Câu 55: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	In-đô-nê-xi-a	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a	Phi-lip-pin
Diện tích (nghìn km ²)	1910,9	181,0	330,8	300,0
Dân số (triệu người)	264,0	15,9	31,6	105,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.
 B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
 C. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia.
 D. Ma-lai-xi-a cao hơn In-đô-nê-xi-a.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Trường Sơn Nam nước ta?

- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam.
 B. Có các cao nguyên badan xếp tầng.
 C. Có nhiều núi cao hàng đầu cả nước.
 D. Gồm nhiều dãy núi chạy song song.

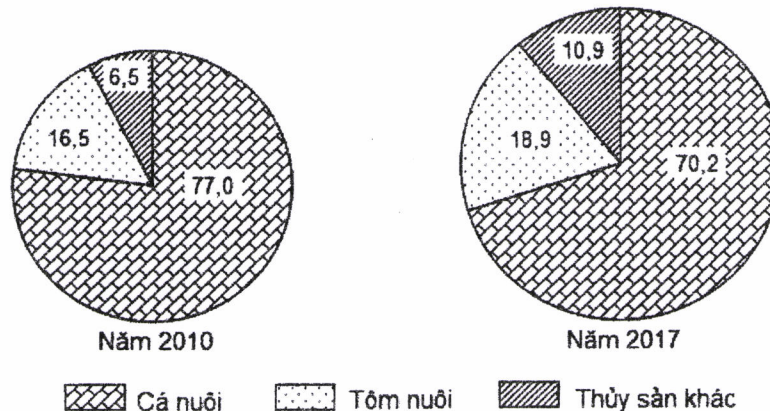
Câu 57: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi nước ta hiện nay?

- A. Sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu.
 B. Dịch vụ thú y có nhiều tiến bộ.
 C. Cơ sở thức ăn đã đảm bảo hơn.
 D. Sản xuất theo hướng hàng hóa.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về các vùng kinh tế trọng điểm của nước ta?

- A. Được hình thành từ lâu đời.
 B. Ranh giới có sự điều chỉnh.
 C. Hội tụ các thế mạnh phát triển.
 D. Tập trung các tiềm lực kinh tế.

Câu 59: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Tôm nuôi giảm, cá nuôi giảm.
 B. Thủy sản khác giảm, cá nuôi giảm.
 C. Cá nuôi giảm, tôm nuôi tăng.
 D. Tôm nuôi tăng, thủy sản khác giảm.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây đúng về du lịch biển đảo nước ta hiện nay?

- A. Chỉ đầu tư du lịch sinh thái.
 B. Du khách ngày càng đông.
 C. Phân bố đều khắp cả nước.
 D. Phát triển nhất ở Bắc Bộ.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân số nước ta hiện nay?

- A. Cơ cấu tuổi thay đổi.
 B. Số lượng luôn cố định.
 C. Nhiều dân tộc.
 D. Quy mô lớn.

Câu 62: Đặc điểm nguồn lao động nước ta hiện nay là

- A. phân bố rất đều.
 B. số lượng không lớn.
 C. trình độ rất cao.
 D. chất lượng nâng lên.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á lục địa?

- A. Nền nhiệt cao đều, không phân hóa.
 B. Nhiệt đới ẩm gió mùa chiếm ưu thế.
 C. Mưa lớn thường xuyên quanh năm.
 D. Có khí hậu chủ yếu là cận xích đạo.

Câu 64: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về giao thông vận tải nước ta hiện nay?

- A. Các ngành đều phát triển rất nhanh.
- B. Có nhiều đầu mối giao thông lớn.
- C. Có nhiều tuyến đường huyết mạch.
- D. Các loại hình vận tải rất đa dạng.

Câu 65: Vùng nông nghiệp Trung du và miền núi Bắc Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây dược liệu chủ yếu dựa vào điều kiện nào sau đây?

- A. Đất feralit đỏ vàng chiếm diện tích rất rộng.
- B. Nguồn nước mặt dồi dào phân bố nhiều nơi.
- C. Khí hậu cận nhiệt, ôn đới trên núi; giống tốt.
- D. Địa hình đa dạng; có cả núi, đồi, cao nguyên.

Câu 66: Giải pháp chủ yếu để nâng cao giá trị sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng diện tích hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.
- B. đảm bảo nguồn nước tưới, sử dụng giống mới.
- C. ứng dụng công nghệ trồng mới, giám sâu bệnh.
- D. đẩy mạnh khâu chế biến và xuất khẩu nông sản.

Câu 67: Biện pháp chủ yếu để công nghiệp nước ta thích nghi tốt với cơ chế thị trường là

- A. phát triển các ngành trọng điểm.
- B. hình thành các vùng công nghiệp.
- C. đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị.
- D. xây dựng cơ cấu ngành linh hoạt.

Câu 68: Gió phơn Tây Nam làm cho khí hậu vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có

- A. mưa nhiều vào thu đông.
- B. thời tiết đầu hạ khô nóng.
- C. hai mùa khác nhau rõ rệt.
- D. lượng bức xạ mặt trời lớn.

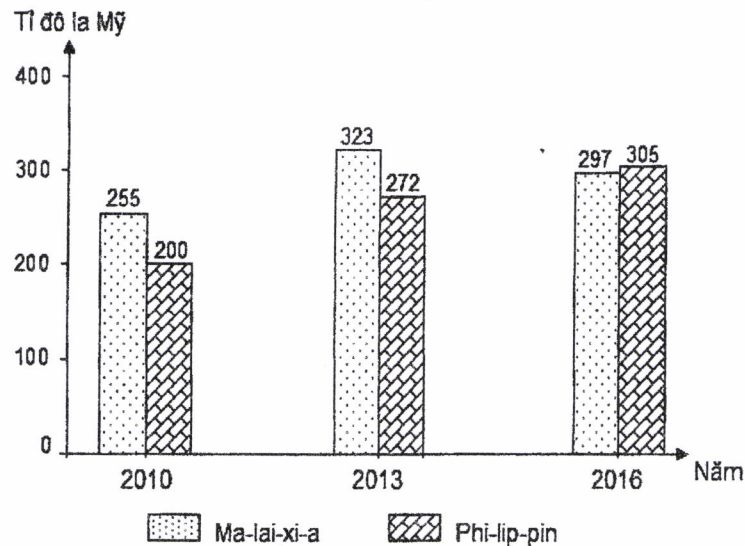
Câu 69: Giải pháp chủ yếu để các nước Đông Nam Á tích lũy vốn cho công nghiệp hóa là

- A. tăng khai thác tài nguyên, mở rộng dịch vụ.
- B. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, phát triển hàng hóa.
- C. liên kết với nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu.
- D. đầu tư trang bị máy móc, đổi mới công nghệ.

Câu 70: Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đổi mới cơ sở vật chất kĩ thuật, hội nhập quốc tế.
- B. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
- C. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- D. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.
- D. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin qua các năm.

Câu 72: Việc đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp của nước ta chủ yếu nhằm

- A. khai thác thế mạnh về tự nhiên.
- B. tận dụng thế mạnh lao động.
- C. đáp ứng nhu cầu thị trường.
- D. góp phần phát triển xuất khẩu.

- Câu 73:** Biện pháp chủ yếu đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành vùng chuyên canh.
 - B. đào tạo và hỗ trợ việc làm, phân bố lại dân cư và lao động.
 - C. hoàn thiện và đồng bộ cơ sở vật chất kĩ thuật, giao thông.
 - D. tập trung đầu tư, phát triển chế biến, mở rộng thị trường.

- Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là
- A. góp phần đa dạng cơ cấu kinh tế, tạo nhiều việc làm.
 - B. tăng cường các quan hệ quốc tế, tăng vị thế của vùng.
 - C. tạo sản phẩm có giá trị, đẩy nhanh phát triển kinh tế.
 - D. làm sâu sắc sự phân hóa lãnh thổ, thu hút vốn đầu tư.

- Câu 75:** Giải pháp chủ yếu để khai thác có hiệu quả nền nông nghiệp nhiệt đới nước ta là
- A. mở rộng trao đổi sản phẩm, chú trọng công tác bảo quản.
 - B. áp dụng nhiều hệ thống canh tác, phòng chống thiên tai.
 - C. phân bố cây, con phù hợp; phát triển nông sản xuất khẩu.
 - D. tăng cường thâm canh, áp dụng rộng rãi tiến bộ kĩ thuật.

- Câu 76:** Ý nghĩa chủ yếu của chuyển dịch cơ cấu công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là
- A. góp phần hiện đại hóa sản xuất và bảo vệ môi trường.
 - B. tạo thêm nhiều mặt hàng và giải quyết được việc làm.
 - C. hình thành ngành trọng điểm và ngành dịch vụ mới.
 - D. phát huy thế mạnh và đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế.

- Câu 77:** Giải pháp chủ yếu phát huy thế mạnh tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là
- A. khai hoang, trồng cây ăn quả và phát triển kinh tế biển.
 - B. đẩy mạnh trồng cây hoa màu và trồng rừng ngập mặn.
 - C. phát triển công nghiệp chế biến và thúc đẩy xuất khẩu.
 - D. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cải tạo đất và bảo vệ rừng.

- Câu 78:** Hoạt động ngoại thương nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do
- A. khai thác tài nguyên hiệu quả, tăng nhanh chất lượng sản phẩm.
 - B. tăng cường hội nhập quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế.
 - C. nhu cầu tiêu dùng của dân cư và nguồn vốn đầu tư tăng nhanh.
 - D. đa dạng hóa thị trường và tăng cường sự quản lí của Nhà nước.

Câu 79: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CHÈ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	129,9	132,6	133,6	129,3
Sản lượng (nghìn tấn)	834,6	981,9	1012,9	1040,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng chè của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Miền.

- Câu 80:** Ý nghĩa chủ yếu của việc hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ là
- A. giải quyết việc làm, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp.
 - B. sử dụng hợp lí tài nguyên đất, góp phần bảo vệ môi trường.
 - C. chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng hiệu quả của đầu tư.
 - D. khai thác tốt hơn thế mạnh, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ, tên thí sinh:**Mã đề thi 324****Số báo danh:**

- Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc?
A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Bắc Giang. D. Lạng Sơn.
- Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?
A. Thanh Hóa. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.
- Câu 43:** Biện pháp sử dụng có hiệu quả đất trồng ở đồng bằng nước ta là
A. làm ruộng bậc thang. B. đẩy mạnh thâm canh.
C. trồng cây theo băng. D. đào hồ vẫy cá.
- Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cảng biển Vũng Áng thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.
- Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết đường số 5 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?
A. Hòa Bình. B. Ninh Bình. C. Nam Định. D. Hải Phòng.
- Câu 46:** Nước ta có vị trí ở
A. bán cầu Nam. B. vùng xích đạo. C. bán cầu Tây. D. vùng nhiệt đới.
- Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện Sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?
A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Quảng Ngãi. D. Quảng Nam.
- Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?
A. Sông Hiếu. B. Sông Đà. C. Sông Cầu. D. Sông Thương.
- Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?
A. Tháng X. B. Tháng XI. C. Tháng IX. D. Tháng VIII.
- Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô nhỏ?
A. Biên Hòa. B. Cần Thơ. C. Tây Ninh. D. Cà Mau.
- Câu 51:** Chống hạn hán ở nước ta phải luôn kết hợp với chống
A. xói mòn. B. cháy rừng. C. lở đất. D. trượt đất.
- Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ngành đóng tàu?
A. Mỹ Tho. B. Tân An. C. Vũng Tàu. D. Biên Hòa.
- Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?
A. Tây Côn Lĩnh. B. Pu Trà. C. Phanxipăng. D. Phu Luông.
- Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?
A. Định An. B. Dung Quất. C. Nhơn Hội. D. Vân Phong.
- Câu 55:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?
A. Phân bố rất hợp lí giữa các vùng. B. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi.
C. Dân nông thôn nhiều hơn đô thị. D. Tập trung đông ở các đồng bằng.

Câu 56: Phát biểu nào sau đây đúng về Đông Nam Á biển đảo?

- A. Tổng lượng mưa năm rất nhỏ. B. Khí hậu nóng ẩm có phân hóa.
C. Nhiệt độ trung bình năm thấp. D. Có một mùa đông lạnh kéo dài.

Câu 57: Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường bộ nước ta hiện nay?

- A. Mạng lưới vẫn còn thưa thớt. B. Chủ yếu phục vụ xuất khẩu.
C. Khối lượng vận chuyển lớn. D. Chưa hội nhập vào khu vực.

Câu 58: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chăn nuôi bò ở nước ta hiện nay?

- A. Nguồn thức ăn ngày càng tốt. B. Lao động nhiều kinh nghiệm.
C. Chuồng trại đã được đầu tư. D. Sản phẩm chủ yếu xuất khẩu.

Câu 59: Phát biểu nào sau đây đúng về nguồn lao động nước ta hiện nay?

- A. Trình độ rất cao. B. Phân bố đồng đều. C. Số lượng cố định. D. Cần cù, sáng tạo.

Câu 60: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về du lịch biển đảo ở nước ta hiện nay?

- A. Có nhiều trung tâm nổi tiếng. B. Số du khách ngày càng đông.
C. Phân bố đều khắp cả nước. D. Doanh thu ngày càng tăng.

Câu 61: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung của nước ta?

- A. Hội tụ được các thế mạnh. B. Được hình thành từ lâu đời.
C. Cơ cấu ngành có thay đổi. D. Ranh giới có sự điều chỉnh.

Câu 62: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2017

Quốc gia	Thái Lan	Cam-pu-chia	Phi-lip-pin	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km ²)	513,1	181,0	300,0	330,8
Dân số (triệu người)	66,1	15,9	105,0	31,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

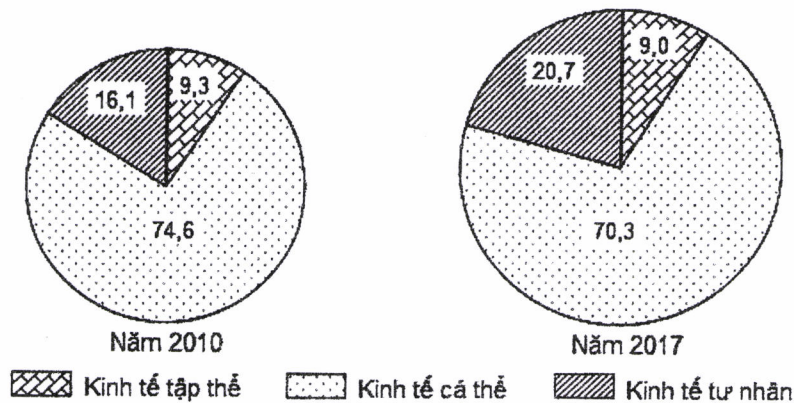
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2017 của một số quốc gia?

- A. Phi-lip-pin cao hơn Cam-pu-chia. B. Cam-pu-chia cao hơn Ma-lai-xi-a.
C. Thái Lan cao hơn Phi-lip-pin. D. Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan.

Câu 63: Phát biểu nào sau đây đúng về vùng núi Tây Bắc nước ta?

- A. Hướng chủ yếu tây bắc - đông nam. B. Ở phía đông thung lũng sông Hồng.
C. Có các cao nguyên badan xếp tầng. D. Địa hình núi thấp chiếm phần lớn.

Câu 64: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A. Kinh tế cá thể tăng, kinh tế tư nhân giảm. B. Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể giảm.
C. Kinh tế tập thể tăng, kinh tế cá thể giảm. D. Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.

Câu 65: Gió mùa Đông Bắc làm cho khí hậu Bắc Bộ nước ta có

- A. một mùa đông lạnh và ít mưa.
- B. nhiều thiên tai lũ quét, lở đất.
- C. thời tiết lạnh ẩm, mưa nhiều.
- D. nhiệt độ đồng nhất khắp nơi.

Câu 66: Biện pháp chủ yếu để phát triển bền vững công nghiệp nước ta là

- A. đầu tư công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm.
- B. phát triển giao thông vận tải, thông tin.
- C. nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành.
- D. đào tạo nhân lực, đảm bảo nguyên liệu.

Câu 67: Một số nước Đông Nam Á có sản phẩm công nghiệp cạnh tranh được trên thị trường thế giới chủ yếu nhờ

- A. hoàn thiện hạ tầng và tăng cường đầu tư.
- B. liên kết với nước ngoài và hiện đại hóa.
- C. đổi mới sản xuất và chất lượng lao động.
- D. mở rộng thị trường và sản xuất hàng hóa.

Câu 68: Vùng nông nghiệp Đông Nam Bộ chuyên môn hóa sản xuất cây cao su dựa trên thuận lợi chủ yếu là

- A. có ít thiên tai bão, lụt và không có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước dồi dào, có nhiều giống cây thích hợp.
- C. địa hình bán bình nguyên, nhiệt độ cao quanh năm.
- D. nhiều đất badan và đất xám, khí hậu cận xích đạo.

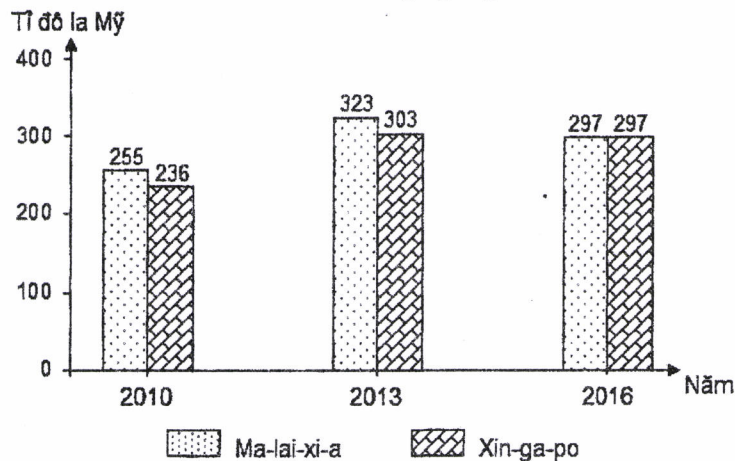
Câu 69: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao trình độ của lao động, bảo vệ môi trường.
- B. hạn chế nạn du canh, góp phần phân bố lại dân cư.
- C. sử dụng hợp lý tài nguyên, tạo sản phẩm hàng hóa.
- D. tạo ra mô hình sản xuất mới, giải quyết việc làm.

Câu 70: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. tăng cường hội nhập vào nền kinh tế của khu vực.
- C. thúc đẩy nhanh sự tăng trưởng của nền kinh tế.
- D. sử dụng hợp lý nguồn lao động dồi dào trong nước.

Câu 71: Cho biểu đồ về GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- B. Cơ cấu GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- C. Quy mô GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.
- D. Tốc độ tăng trưởng GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po qua các năm.

Câu 72: Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.
- B. tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.
- C. thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.
- D. góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

Câu 73: Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, đa dạng sản phẩm.
- B. giải quyết tốt vấn đề việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa.
- C. tạo ra hàng xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành.
- D. nâng cao hiệu quả kinh tế, khai thác tốt thế mạnh tự nhiên.

Câu 74: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG HỒ TIÊU CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2017

Năm	2010	2014	2015	2017
Diện tích (nghìn ha)	51,3	85,6	101,6	152,0
Sản lượng (nghìn tấn)	105,4	151,6	176,8	241,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng hồ tiêu của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Đường. C. Tròn. D. Miền.

Câu 75: Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. khai thác các thế mạnh và tăng cường sự phân hóa lãnh thổ.
B. tạo tập quán và mô hình sản xuất mới cho lao động tại chỗ.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
D. tạo thêm nhiều việc làm, thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn.

Câu 76: Thị trường xuất khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. nhiều thành phần tham gia, hàng hóa dồi dào. B. tăng cường đầu tư, đổi mới công tác quản lí.
C. giao thông phát triển, liên kết nhiều quốc gia. D. sản xuất phát triển, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Câu 77: Giải pháp chủ yếu để phát huy thế mạnh của nông nghiệp nhiệt đới nước ta là

- A. sử dụng các giống cây ngắn ngày, đẩy mạnh thâm canh.
B. đa dạng tổ chức sản xuất, áp dụng khoa học công nghệ.
C. chú trọng bảo quản nông sản, chuyên môn hóa sản xuất.
D. phát triển nông sản xuất khẩu, thay đổi cơ cấu mùa vụ.

Câu 78: Giải pháp chủ yếu đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là

- A. đảm bảo nguồn nguyên liệu tại chỗ, mở rộng thị trường.
B. tăng cường vốn đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật.
C. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ của lao động.
D. phát triển năng lượng, tăng cường khai thác khoáng sản.

Câu 79: Giải pháp chủ yếu ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. khai thác tổng hợp tài nguyên biển và bảo vệ môi trường.
B. bố trí các khu dân cư hợp lý và xây dựng các hệ thống đê.
C. sử dụng hợp lý tài nguyên và chuyển đổi cơ cấu kinh tế.
D. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

Câu 80: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển công nghiệp dầu khí ở Đông Nam Bộ là

- A. phát huy thế mạnh, giải quyết tốt nhiều vấn đề xã hội.
B. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu ngành, tạo các việc làm.
C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao vị thế của vùng.
D. thu hút lao động kĩ thuật cao, mở rộng quan hệ quốc tế.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.